

Bản án số: 135/2025/HS-ST
Ngày 30-12-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - HẢI PHÒNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hương

Bà Nguyễn Thị Phin

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Minh Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diệu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 112/2025/TLST-HS ngày 28 tháng 11 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 123/2025/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 12 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Phạm Đức A, sinh năm 1999 tại Hải Phòng; Nơi thường trú: TDP T, B, Đ, thành phố Hải Phòng (nay là TDP T, phường N, thành phố Hải Phòng); chỗ ở hiện nay: P S V, V, Lê C, thành phố Hải Phòng (nay là P S V, phường L, thành phố Hải Phòng); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn D và bà Nguyễn Thị N; có vợ là Nguyễn Minh H (ly thân) và 01 con; nhân thân: Tại bản án số 07/2018/HS-ST ngày 17/4/2018 Tòa án nhân dân huyện Kiến Thụy, thành phố Hải Phòng xử phạt 18 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích (đã được xóa án); tạm giữ ngày 13/12/2024; tạm giam ngày 20/12/2024; có mặt.

2. Nguyễn Thị Thu H1, sinh năm 2000 tại Thái Bình (nay là Hưng Yên); Nơi thường trú: N, Tiến Đ, H, Thái Bình (nay là Nhật T, xã L, tỉnh Hưng Yên); chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng (nay là Đ, xã K, thành phố Hải Phòng); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C1 và bà

Phạm Thị N1; có chồng là Phạm Huy H2 và 02 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ ngày 19/4/2025; tạm giam ngày 26/4/2025; có mặt.

3. Trần Văn S, sinh năm 1998 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng (nay là Đ, xã K, thành phố Hải Phòng); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn X và bà Trần Thị D1; có vợ là Phạm Hương G (đã ly hôn) và 01 con; nhân thân: Bản án số 01/2016/HSST ngày 25/01/2016 Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xử phạt 06 năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (đã xóa án tích); tạm giữ ngày 19/4/2025; tạm giam ngày 26/4/2025; có mặt.

4. Phạm Đức V, sinh năm 2004 tại Hải Phòng; Nơi thường trú: Thôn Q, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng (nay là Quận M, xã K, thành phố Hải Phòng); chỗ ở hiện nay: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng (nay là Đ, xã K, thành phố Hải Phòng); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn T1 và bà Nguyễn Thị T2; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ ngày 19/4/2025; tạm giam ngày 26/4/2025; có mặt.

5. Đỗ Minh T3, sinh năm 2000 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường H, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đỗ Văn N2 và bà Lê Thị T4; chưa có vợ con; nhân thân: Ngày 08/6/2025 Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm ma túy bắt quả tang có hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; ngày 12/6/2025 bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H khởi tố về hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; hiện đang trong giai đoạn điều tra vụ án; bị cáo bị án dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ ngày 08/6/2025; tạm giam ngày 13/6/2025 theo Lệnh tạm giam số 2904/LTG-CSMT của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H về hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; có mặt.

6. Trần Nguyễn Văn S1, sinh năm 2001 tại Hải Phòng; Nơi thường trú: Thôn Đ, xã Đ, huyện K, thành phố Hải Phòng (nay là Đ, xã K, thành phố Hải Phòng); chỗ ở hiện nay: TDP T, phường B, quận Đ, thành phố Hải Phòng (nay là TDP T, phường N, thành phố Hải Phòng); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H3 và bà Nguyễn Thị L; có vợ là Ngô Thị Minh A1 (đã ly hôn) và 01 con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ ngày 18/12/2024; tạm giam ngày 20/12/2024; có mặt.

7. Nguyễn Mạnh P, sinh năm 2002 tại Hải Phòng; Nơi cư trú: số E H, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng (nay là 5 H, phường H, thành phố Hải Phòng); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính:

Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn C1 và bà Hoàng Thị Minh Á; chưa có vợ con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ ngày 13/12/2024; tạm giam ngày 20/12/2024; có mặt.

8. Ngô Thị Mỹ L1, sinh năm 2003 tại Kon Tum (nay là Quảng Ngãi); nơi thường trú: T, xã K, thành phố K, tỉnh Kon Tum (nay là Trung Nghĩa Đ1, xã N, tỉnh Quảng Ngãi); chỗ ở hiện nay: P, L H, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng (nay là Phòng 301, L H, phường H, thành phố Hải Phòng); nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Ngô Tấn T5 và bà Phạm Thị Thanh H4; chưa có chồng con; tiền án, tiền sự: không; tạm giữ ngày 13/12/2024; tạm giam ngày 20/12/2024; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 13/12/2024, Công an quận H kết hợp với Công an phường T kiểm tra lưu trú tại phòng 301 nhà số L - 08 (đồng thời là nơi ở của Ngô Thị Mỹ L1), khu đô thị H, T, Hồ N, Hải Phòng phát hiện Nguyễn Mạnh P và Ngô Thị Mỹ L1 có biểu hiện sử dụng trái phép chất ma túy, ngoài ra trong túi vải màu đen có chữ "LIFE WORK" mà Nguyễn Mạnh P đang đeo trên người có đồ vật tài liệu nghi liên quan đến ma túy. Lực lượng Công an đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và đưa các đối tượng cùng tang vật về trụ sở để làm rõ.

Tang vật thu giữ gồm: 01 túi nilon mép dán màu đỏ kích thước 8x5cm trong chứa 05 viên nhộng màu vàng đỏ - mẫu KT01; 10 viên nén màu xám nghi là ma túy - mẫu KT02; 01 túi nilon mép dán màu đỏ trong chứa tinh thể màu trắng nghi là ma túy - mẫu KT03; 03 vỏ túi mép dán màu xanh kích thước 2,5x2,5cm bên trong bám dính tinh thể màu trắng, nghi ma túy - mẫu KT04; 01 túi nilon mép dán màu đỏ kích thước 8x5cm và 01 túi nilon mép dán màu đỏ kích thước 7x11cm bên trong đều chứa chất bột màu vàng nghi là ma túy - mẫu KT05; 01 ống kim loại màu xanh; 01 ống kim loại màu nâu và 01 ống nhựa màu trắng bên trong chứa chất bột màu trắng bám dính nghi là ma túy - mẫu KT06; 01 tờ tiền 1000 đồng; 01 tờ tiền 2000 đồng; 01 tờ tiền 5000 đồng; 01 tờ tiền 10.000 đồng cuộn thành ống hút, bên trong các tờ tiền đều bám dính chất bột màu trắng nghi là ma túy - mẫu KT07; 01 đĩa sứ màu trắng, bên trên mặt đĩa có bám dính chất bột màu trắng nghi là ma túy - mẫu KT08; 01 điện thoại di động Iphone của Nguyễn Mạnh P; 01 điện thoại di động Iphone của Ngô Thị Mỹ L1; 01 túi vải có chữ "LIFE WORK".

Tại Bản Kết luận giám định số 1366/KL - KTHS ngày 17/12/2024 của Phòng K Công an thành phố H kết luận:

-Chất dẻo màu nâu chứa trong 05 viên nhộng của mẫu KT01 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 1,27 gam, loại: MDMA và Nimetazepam.

- 10 (Mười) viên nén màu xám của mẫu KT02 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 3,94 gam, loại: Methamphetamine, MDMA và Ketamine.

- Tinh thể màu trắng của mẫu KT03 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 3,05 gam, loại: Ketamine.

- Tinh thể màu trắng bám dính trong 03 vỏ túi nilon của mẫu KT04 gửi giám định tìm thấy chất ma túy, loại: Ketamine. Không đủ điều kiện cân xác định khối lượng chất ma túy trên.

- Chất bột màu vàng của mẫu KT05 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,69 gam, loại: MDMA và Ketamine.

- Chất bột màu trắng bám dính trong 03 đoạn ống của mẫu KT06 gửi giám định tìm thấy chất ma túy, loại: Ketamine. Không đủ điều kiện cân xác định khối lượng chất ma túy trên.

- Chất bột màu trắng bám dính trên tờ tiền mệnh giá 1.000 đồng, 2.000 đồng, 5.000 đồng và 01 ống cuộn bằng tờ tiền mệnh giá 10.000 đồng của mẫu KT07 gửi giám định tìm thấy chất ma túy, loại: Ketamine. Không đủ điều kiện cân xác định khối lượng chất ma túy trên.

- Chất bột màu trắng bám dính trên đĩa sứ của mẫu KT08 gửi giám định tìm thấy chất ma túy, loại: Ketamine. Không đủ điều kiện cân xác định khối lượng chất ma túy trên.

- Mẫu nước tiểu ghi tên Nguyễn Mạnh P gửi giám định tìm thấy chất ma túy, loại: MDMA và Ketamine.

- Mẫu nước tiểu ghi tên Ngô Thị Mỹ L1 gửi giám định tìm thấy chất ma túy, loại: Ketamine.

Tại Bản Kết luận giám định số 1139/KL-KTHS ngày 27/02/2025 của V2 Bộ C4 kết luận:

Hàm lượng chất ma túy MDMA trong mẫu KT01 gửi giám định là 4,5%.

Hàm lượng chất ma túy Ketamine và MDMA và Methamphetamine trong mẫu KT02 gửi giám định lần lượt là 4,7%, 36,9% và 1,8%.

- Hàm lượng chất ma túy Ketamine trong mẫu KT05 gửi giám định là 56,4%. Lượng MDMA trong mẫu rất nhỏ, dưới giới hạn định lượng của phương pháp nên không xác định được hàm lượng chất này có trong mẫu.

- Hàm lượng Nimetazepam trong mẫu KT01 gửi giám định rất nhỏ, dưới giới hạn định lượng của phương pháp nên không xác định được hàm lượng chất này có trong mẫu.

Như vậy, đối với 05 viên nhộng trong chứa chất dẻo màu nâu, có khối lượng 1,27g, theo kết luận giám định bổ sung: Hàm lượng MDMA là 4,5% tương đương 0,057 gam; lượng MDMA trong mẫu rất nhỏ, dưới giới hạn định lượng của phương pháp nên không xác định được hàm lượng chất này có trong mẫu.

Đối với 10 nén màu xám, là ma túy loại Methamphetamine, MDMA và Ketamine có khối lượng 3,94 gam, theo kết luận giám định bổ sung: Hàm lượng MDMA là 36,9% tương đương 1,45 gam; Hàm lượng Methamphetamine là 1,8% tương đương 0,07 gam; Ketamine là 0,185 gam.

Đối với 02 túi nilon chứa chất bột màu vàng, là ma túy loại MDMA và Ketamine, có khối lượng 0,69 gam, theo kết luận giám định bổ sung: Hàm lượng Ketamine là 56,4% tương đương 0,389 gam. Lượng MDMA trong mẫu rất nhỏ, dưới giới hạn định lượng của phương pháp nên không xác định được hàm lượng chất này có trong mẫu.

*** *Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Nguyễn Mạnh P và Ngô Thị Mỹ L1 khai nhận phù hợp với nhau như sau:***

Do bản thân không có công ăn việc làm ổn định lại nghiện ma túy nên P đã mua ma túy về để bán lại kiếm lời. Cụ thể, vào khoảng đầu tháng 12 năm 2024, Nguyễn Mạnh P liên lạc qua tài khoản mạng xã hội T6 có tên “Lâm giáo đầu” (qua xác minh xác định là Lê Đình L2, sinh năm 1988, nơi thường trú thôn F, P, T, Thanh Hóa) hỏi mua 05 viên ma túy tổng hợp loại viên con nhộng (giá 180.000 đồng/01 viên) và 02 túi ma túy Ketamine (giá 700.000 đồng/01 túi). L2 đồng ý bán ma túy cho P và chỉ dẫn cho P tới khu vực thang máy nhà S, khu V, V, L, thành phố Hải Phòng để nhận ma túy. P vào trong thang máy lấy 01 túi nilon chứa ma túy mang về cất giấu vào túi đeo chéo mang theo bên người. Khoảng 18 giờ ngày 12/12/2024, P đến gặp Phạm Đức A tại phòng số 302, S V, V, Lê C, thành phố Hải Phòng để mua 10 viên ma túy tổng hợp màu xám ghi giá 180.000 đồng/01 viên (10 viên = 1.800.000 đồng) và 05 gam ma túy Ketamine giá 700.000 đồng/01 gam (05 gam = 3.500.000 đồng). Sau khi nhận ma túy từ Đức A, P chuyển khoản từ tài khoản cá nhân mang tên NGUYỄN MẠNH P tại Ngân hàng M sang tài khoản của PHẠM ĐỨC A tại Ngân hàng V3 số tiền là 6.700.000 đồng (gồm 5.300.000 đồng là tiền mua ma túy và 1.400.000 đồng P trả nợ cho Đức A tiền vay trước đó). Số ma túy mua được, P cất giấu tại túi đeo chéo mang theo bên người để khi có người hỏi mua sẽ bán lại với giá 250.000 đồng/01 viên ma túy tổng hợp, đối với ma túy Ketamine thì P sẽ cân và đóng vào túi nilon khoảng 0,7 gam/01 túi bán với giá 700.000 đồng cho khách mua.

Đến khoảng 01 giờ ngày 13/12/2024, Hà Giang C2 (sinh năm 2002, hộ khẩu thường trú: C, A, V, Lạng Sơn) liên lạc qua mạng xã hội T6 hỏi mua 700.000 đồng ma túy Ketamine. P tự đóng một túi 0,7 gam Ketamine và mang tới khu H, H, Hồ N, Hải Phòng giao ma túy cho C2, C2 chuyển khoản số tiền 700.000 đồng từ tài khoản HA GIANG CHAU tại ngân hàng M1 sang tài khoản của P. Bán xong ma túy cho C2, P về nhà bạn gái là Ngô Thị Mỹ L1 ở tại phòng 301 nhà số L, khu đô thị H, T, Hồ N. Tại nhà L1, P rủ L1 cùng sử dụng ma túy, L1 đồng ý, sau đó P lấy một ít ma túy Ketamine vừa mua của Đức A rồi đổ ra tờ tiền 1000 đồng đánh nhuễn, đổ ra đĩa sứ màu trắng rồi dùng thẻ nhựa kẻ các đường ke để cả hai cùng sử dụng bằng hình thức

hít, sử dụng ma túy xong L1 và P nằm nghe nhạc và ngủ đến khoảng 13 giờ ngày 13/12/2024 thì bị lực lượng Công an kiểm tra, phát hiện bắt giữ như đã nêu trên.

* Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H đã ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Phạm Đức A, tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phạm Đức A tại địa chỉ phòng C S V, V, L, Hải Phòng, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã thu giữ được: 07 vỏ túi nilon mép dán màu đỏ trong bảm dính nước nghi ma túy – mẫu KX01; 01 cút nhựa màu xám của ống thoát nước bồn rửa bát trong phòng nghỉ, trong bảm dính tạp chất nghi ma túy – mẫu KX02; Một lượng thể tích nước màu cam trong có các tạp chất được lấy từ ống xả bồn rửa bát nghi là ma túy – mẫu KX03.

Tiến hành xét nghiệm chất ma túy trong nước tiểu của Phạm Đức A, kết quả: Phạm Đức A dương tính với chất ma túy MDMA, MET.

Tại Bản Kết luận giám định số 1367/KL-KTHS(MT) ngày 17/12/2024 của Phòng K Công an thành phố H kết luận:

- *Chất lỏng bảm dính trong 07 vỏ túi nilon của mẫu KX01 gửi giám định đều tìm thấy chất ma túy, loại: Ketamine, không đủ điều kiện xác định thể tích chất lỏng bảm dính trên.*

- *Tạp chất bảm dính trong cút nhựa của mẫu KX02 gửi giám định tìm thấy chất ma túy, loại: MDMA, Ketamine và N3. Không đủ điều kiện cân khối lượng chất ma túy bảm dính trên.*

- *Chất lỏng màu cam của mẫu KX03 gửi giám định có tổng thể tích 200ml, tìm thấy chất ma túy, loại: MDMA, Ketamine và N3”*

Tại Bản Kết luận giám định số 1139/KL-KTHS ngày 27/02/2025 của V2 Bộ C4 kết luận: “*Hàm lượng (nồng độ) chất ma túy Ketamine và MDMA trong mẫu KX03 gửi giám định lần lượt là 0,18 mg/mL và 0,80 mg/mL.*

- *Lượng Nimetazepam trong mẫu KX03 gửi giám định rất nhỏ, dưới giới hạn định lượng của phương pháp nên không xác định được hàm lượng chất này có trong các mẫu”*

Như vậy đối với chất lỏng của mẫu KX03 có chứa chất ma túy (loại MDMA, Ketamine và N3) có tổng thể tích 200mL. Theo kết luận giám định bổ sung: Hàm lượng (nồng độ) chất ma túy Ketamine trong 200mL là 0,18mg/ML tương đương 0,036 gam; Hàm lượng (nồng độ) chất ma túy MDMA trong 200mL là 0,80mg/ML tương đương 0,16 gam; Hàm lượng chất ma túy Nimetazepam rất nhỏ nên không xác định được.

Tại Cơ quan điều tra Phạm Đức A khai nhận: Từ khoảng tháng 11 năm 2024, Phạm Đức A được Lê Đình L2 (sinh năm 1988, HKTT thôn 6, P, T, Thanh Hóa) rủ cùng tham gia bán ma túy tổng hợp và ma túy Ketamine. Cách thức bán ma túy thì Đức A thuê phòng 302 San Hô 603 khu V, V, L, Hải Phòng (với giá 8.000.000 đồng/01 tháng) để đứng ra giao dịch ma túy với khách đến mua ma túy. L2 sẽ cho một người có biệt danh là “Béo” mang ma túy tới giao cho Đức A để Đức A bán giúp cho L2. Tiền công bán ma túy giúp L2 thì Đức A được L2 trả 4-5 triệu đồng/01 tuần

thanh toán bằng tiền mặt. Tiền bán ma túy khách chuyển khoản cho Đức A sau đó Đức A chuyển khoản lại cho L2. Cụ thể như sau:

Lần thứ nhất: khoảng tối ngày 08/12/2024, Đức A được Trần Nguyễn Văn S1 liên lạc qua mạng xã hội Zalo hỏi mua 30 viên ma túy tổng hợp với giá 200.000 đồng/01 viên (30 viên = 6.000.000 đồng) và 01 “hộp 10” Ketamine (tức 10 gam ma túy Ketamine), giá 8.000.000 đồng/01 “hộp 10”. Đức A đồng ý bán ma túy và được S1 sử dụng tài khoản ngân hàng A2 của S1 chuyển tới tài khoản ngân hàng V4 của Đức A tổng 14.000.000 đồng. Sau khi nhận được tiền thì Đức A đã mang số ma túy kê trên (bao gồm 30 viên ma túy tổng hợp màu hồng và 01 túi ma túy chứa 10 gam ma túy Ketamine) tới khu vực chợ Đ2, K, Hải Phòng giao cho S1.

Lần thứ hai: khoảng 18 giờ ngày 12/12/2024, Phạm Đức A đang ở nhà thì Nguyễn Mạnh P đến hỏi mua 10 viên ma túy tổng hợp và 05 gam ma túy Ketamine. P nói với Đức A là đã liên lạc báo với L2 rồi. Đức A đồng ý và đưa cho P số ma túy kê trên, P nhận và để vào trong túi đeo chéo của P rồi đi về. Tiền mua ma túy P chuyển khoản vào tài khoản của Đức A số tiền 6.700.000 (bao gồm 5.300.000 đồng là tiền mua ma túy và 1.400.000 đồng là tiền P vay của Đức A trước đó).

Về lượng ma túy thu giữ tại bồn rửa bát trong nhà, Phạm Đức A khai nhận khi thấy cơ quan Công an tới khám xét nên Đức A sợ hãi và đồ 03 túi ma túy tổng hợp nhãn hiệu “FERARI” đang cất giấu xuống bồn rửa bát và xả nước.

* Ngày 18/12/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H ra Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Trần Nguyễn Văn S1.

Tại cơ quan điều tra Trần Nguyễn Văn S1 khai nhận: Do bản thân quen biết Phạm Đức A có bán ma túy nên thỉnh thoảng S1 giúp bán ma túy cho Đức A vì thỉnh thoảng S1 được Đức A cho sử dụng ma túy. Vào ngày 08/12/2024, Nguyễn Thị Thu H1 liên lạc cho S1 để mua ma túy từ Đ với số lượng là 30 viên ma túy tổng hợp, 10 gam ma túy Ketamine. Sau đó, S1 liên lạc với Đức A để mua số ma túy trên và báo giá bán ma túy cho H1 là 200.000 đồng/01 viên ma túy tổng hợp; 800.000 đồng/01 gam ma túy Ketamine. H1 đồng ý mua ma túy và chuyển khoản số tiền 14.000.000 đồng từ tài khoản của H1 tới tài khoản ngân hàng A2 của S1. Sau khi nhận được tiền S1 chuyển khoản từ tài khoản cá nhân của S1 tới tài khoản của Đức A. Đến khoảng hơn 20 giờ cùng ngày 08/12/2024, Phạm Đức A mang số ma túy kê trên tới khu vực chợ Đ2, K, Hải Phòng giao cho S1, S1 nhận được ma túy từ Đức A thì mang tới nhà của H1 tại Đ, Đ, K, Hải Phòng giao cho H1. Việc S1 giúp H1 mua ma túy từ Đức A là do S1 biết trong thời gian đó H1 và Đức A có mâu thuẫn với nhau nên H1 không thể mua ma túy trực tiếp từ Đ. S1 không hưởng lợi gì từ việc bán ma túy cho H1.

* Sau khi tiến hành xác minh, thu thập chứng cứ, ngày 18/04/2025 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Nguyễn Thị Thu H1 tại Đ, Đ, K, Hải Phòng, kết quả đã thu giữ được: 02 vỏ túi nilon bám dính chất bột màu trắng – mẫu KC01; 01 hộp bìa màu hồng trong có: 02 tờ tiền

cuộn hình ống hút bám dính chất bột màu trắng và các vỏ túi nilon (chưa qua sử dụng) – mẫu KC02.

Tại thời điểm khám xét nhà H1 có mặt Trần Văn S, Phạm Đức V và mẹ đẻ của S là bà Trần Thị D1, sinh năm 1965, HKTT Đ, Đ, K, Hải Phòng.

Tại Bản Kết luận giám định số 255/KL-KTHS ngày 26/4/2025 của Phòng K Công an thành phố H kết luận: *“Chất bột màu trắng bám dính trong 02 ống cuộn bằng tờ tiền đều có mệnh giá 10.000 đồng của mẫu KC01 gửi giám định là ma túy, loại: Ketamine. Không đủ điều kiện cân xác định khối lượng chất ma túy bám dính trên.*

Chất bột màu trắng bám dính trong 02 vỏ túi nilon của mẫu KC02 gửi giám định là ma túy, loại: Ketamine. Không đủ điều kiện cân xác định khối lượng chất ma túy bám dính trên”.

Tại cơ quan điều tra Nguyễn Thị Thu H1 khai nhận: H1 và Trần Văn S chung sống với nhau tại nhà S ở thôn Đ, Đ, K, Hải Phòng. Tại đây còn có mẹ S là bà Trần Thị D1 và Phạm Đức V cùng ăn ở sinh hoạt. Khoảng cuối năm 2024, S và H1 biết Đức A bán ma túy nên cả hai đã mua ma túy của Đức A để bán lại kiếm lời. Cách thức bán ma túy thì Đức A sẽ mang ma túy tới nhà giao cho H1 và S, sau khi bán được ma túy thì H1, S trả tiền cho Đức A. Sau đó do có mâu thuẫn với Đức A nên H1 mua ma túy của Đức A thông qua Trần Nguyễn Văn S1. Khi biết Đức A và S1 bị cơ quan Công an bắt giữ thì S, H1 chuyển qua mua ma túy của Đỗ Minh T3 để bán. S, H1 đã nhiều lần mua ma túy của T3 về bán lại cho nhiều khách khác nhau nhưng hiện không nhớ thời gian cụ thể. T3 bán ma túy cho S, H1 với giá 200.000 đồng/01 viên ma túy tổng hợp và 640.000 đồng/01 gam Ketamine. S và H1 bán lại cho khách với giá 300.000 đồng/01 viên ma túy tổng hợp và từ 1.200.000 - 1.300.000 đồng/01 gam Ketamine, hưởng lợi 100.000 đồng/01 viên ma túy tổng hợp và 560.000 đồng/01 gam Ketamine. Tiền mua ma túy H1 chuyển khoản cho T3 từ tài khoản tên Nguyễn Thị Thu H1, số tài khoản 8171020008386 tại ngân hàng M sang tài khoản Đỗ Minh T3, số tài khoản 02062000369999 tại ngân hàng M. Khách mua ma túy của S và H1 thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản cho tài khoản của H1 và S mang tên Trần Văn S, số tài khoản 0344835684 tại ngân hàng M. Tiền lãi từ việc bán ma túy sẽ do H1 quản lý để phục vụ chi tiêu chung và tiếp tục mua ma túy tiếp để bán. Khi có khách mua ma túy S nhờ Phạm Đức V lấy ma túy mang giao cho khách. Mỗi lần nhờ V mang ma túy cho khách S và H1 trả công cho V là 200.000 đồng/lần. Tuy nhiên đến thời điểm bị bắt H1 chưa trả công cho V.

H1 thừa nhận đã mua ma túy của Đức A vào ngày 08/12/2024, H1 liên lạc và nhờ S1 mua ma túy gồm 30 viên ma túy tổng hợp và 10 gam ma túy Ketamine của Đức A với giá 200.000 đồng/01 viên ma túy tổng hợp; 800.000 đồng/01 gam ma túy Ketamine, tổng số tiền mua ma túy là 14.000.000 đồng H1 chuyển khoản từ tài khoản của H1 đến tài khoản ngân hàng A2 mang tên Trần Nguyễn Văn S1, nhận được tiền S1 chuyển khoản số tiền trên đến tài khoản ngân hàng V4 của Đức A. Sau đó Đức A

mang số ma túy trên tới khu vực chợ Đ2, K, Hải Phòng giao cho S1, S1 nhận ma túy từ Đức A rồi mang tới nhà của H1 tại Đ, Đ, K, Hải Phòng giao cho H1. Việc S1 giúp H1 mua ma túy từ Đức A là do S1 biết trong thời gian đó H1 và Đức A có mâu thuẫn với nhau nên H1 không thể mua ma túy trực tiếp từ Đ. Số ma túy mua được của Đức A, H1 đã bán cho nhiều người vì thời gian đã lâu nên không nhớ cụ thể.

Ngoài ra H1 còn liên lạc và mua ma túy của Đỗ Minh T3 nhiều lần nhưng không nhớ ngày cụ thể, ngày gần nhất là ngày 16/04/2025 mua với số lượng là 50 viên ma túy tổng hợp và 01 "uốn" (tức 25 gam) Ketamine với số tiền 26.000.000 đồng bao gồm 16.000.000 đồng/01 uốn Ketamine, 9.000.000 đồng/50 viên ma túy tổng hợp và 1.000.000 đồng tiền công giao đến khu V, Đ, K, Hải Phòng. H1 chuyển khoản cho T3 16.800.000 đồng và đưa T3 9.200.000 đồng tiền mặt.

Trong khoảng thời gian từ ngày 11/4/2025 đến ngày 17/4/2025, H1 và S đã bán ma túy cho nhiều người (hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) tại nhà của S, H1 ở Đ, Đ, Kiến T7, hoặc mang ma túy đến các địa điểm thuộc xã T; xã Đ; xã Đ thuộc huyện K giao cho khách hàng. Tiền mua ma túy các đối tượng đều thanh toán chuyển khoản trực tiếp cho S và H1 hoặc đưa tiền mặt, hoặc nợ lại chưa thanh toán. Quá trình điều tra xác định được các đối tượng mua ma túy của S, H1. Theo lời khai của H1 và S đều khẳng định khoảng ngày 11/4/2025 H1 và S xác định còn cất giấu 40 viên thuốc lắc và 15 gam Ketamine, số ma túy S và H1 bán cụ thể:

- Bán cho T5 người quen của S nhà ở H 20 viên thuốc lắc và 10 gam Ketamine. S chỉ lấy hộ T5 không lấy lãi. T5 chuyển khoản cho H1 sau đó H1 chuyển khoản cho T3, T5 đi xem máy quan nhà H1 lấy và S đưa ma túy cho T5.
- Bán cho G người quen của S nhà ở T - K 04 viên thuốc lắc giá 300.000 đồng/1 viên và 01 gam Ketamine giá 1.200.000 đồng. G chuyển khoản cho S 2.400.000 đồng, sau đó S chuyển khoản cho H1. S giao ma túy cho G.
- Bán cho H2 người quen của H1 tại B- Kiến Thụy 04 viên thuốc lắc 300.000 đồng/viên và 01 gam Ketamine giá 1.200.000 đồng. H2 chuyển khoản cho H1. H1 giao ma túy cho H2.
- Ngày 11/04/2025 và ngày 12/04/2025 H1 bán cho V1 (bạn xã hội, hiện chưa xác định được nhân thân lai lịch) 04 viên ma túy tổng hợp giá 300.000 đồng/01 viên và 02 gam Ketamine giá 1.200.000 đồng. V1 chuyển khoản tiền mua ma túy cho H1. Những lần này S đưa ma túy cho V đi giao cho V1 ở khu vực xã Đ, K.
- Bán cho nam giới biệt danh tên C3 (không biết tên thật của C3, nhà C3 ở xã Đ 01 viên thuốc lắc giá 300.000 đồng/viên và 02 gam Ketamine giá 1.200.000 đồng. Cối vẫn nợ tiền ma túy. Cối đến nhà H1, H1 giao ma túy cho C3.
- Bán cho H5 bạn xã hội của S, nhà ở xã Đ 07 viên thuốc lắc, 05 gam Ketamine. H5 nợ tiền ma túy. H1 giao ma túy cho H5.
- Chiều ngày 15/04/2025 bán cho N4 01 gam Ketamine. V là người giao ma túy cho N4, tiền mua ma túy N4 đưa tiền mặt cho S.

- Ngày 15/04/2025 S bán 05 viên ma túy tổng hợp với giá 300.000 đồng/ 01 viên cho Phạm Mạnh H6, sinh năm 1983, hộ khẩu thường trú V5, K, TP Hải Phòng để về sử dụng. S mang ma túy đến gửi ở phòng bảo vệ ở trường THPT N5 để giao cho H6, tiền mua ma túy H6 chuyển khoản 1.500.000 đồng vào tài khoản của S.

- Khoảng tháng 4/2025 Vũ Hoàng Phương T8, sinh năm 2004, hộ khẩu thường trú X, Giao P1, Ninh Bình đến nhà H1 mua ma túy vài lần, với tổng số 10 viên ma túy tổng hợp để sử dụng cho bản thân. Số tiền mua ma túy T8 chưa thanh toán ngay mà đến khoảng ngày 18/04/2024 thì T8 chuyển khoản tiền trả mua ma túy vào tài khoản ngân hàng của H1 (lần chuyển khoản này T8 chuyển khoản gộp cả tiền cùng nhau đi lễ T8 nợ H1). Ngoài ra, trước đó T8 cũng đã mua ma túy của H1 do Phạm Đức V mang đến vứt ở cạnh thùng rác nhà T8 tại Đ, Đ, K, TP Hải Phòng.

- Đêm ngày 17/4/2025 S bán cho N4 01 gam Ketamine, N4 trả bằng tiền mặt. S bảo V giao ma túy cho N4.

* Cơ quan điều tra tiến hành triệu tập đối với Đỗ Minh T3, Đỗ Minh T3 khai nhận: Do có mối quan hệ quen biết với Đức A và S, H1 nên khi Đức A bị cơ quan Công an bắt giữ thì S, H1 liên lạc với T3 để mua ma túy về bán kiếm lời. T3 mua ma túy Ketamine và ma túy tổng hợp thông qua ứng dụng T6 từ người có tài khoản là “Alan” (không rõ tên tuổi, địa chỉ) với giá 500.000 đồng/01 gam ma túy Ketamine và 150.000 đồng/01 viên ma túy tổng hợp, tiền mua ma túy Trọng thanh toán bằng tiền mặt qua người lạ mặt mà tài khoản “Alan” nhờ mang ma túy đến giao cho T3. T3 bán lại cho S, H1 với giá 640.000 đồng/01 gam ma túy Ketamine, 180.000 đồng/01 viên ma túy tổng hợp. T3 mang ma túy đến giao cho S, H1 ở Đ, K. S, H1 thanh toán tiền mua ma túy bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản của S hoặc của H1 sang tài khoản của T3. T3 thừa nhận đã bán ma túy cho S, H1 nhiều lần nhưng do thời gian lâu không nhớ cụ thể, lần gần nhất bán ma túy cho S, H1 là vào ngày 16/04/2025 cụ thể như sau: Trọng liên lạc với S qua ứng dụng Telegram, và sau đó nhắn tin với H1 để thỏa thuận về việc mua bán ma túy. H1 đặt mua của T3 50 viên ma túy tổng hợp và 01 “uốn” ma túy Ketamine (tức 25 gam ma túy Ketamine) với giá 640.000 đồng/01 gam ma túy Ketamine, 180.000 đồng/01 viên ma túy tổng hợp. Tổng số tiền mua ma túy gồm 16.000.000 đồng tiền ma túy Ketamine và 9.000.000 đồng tiền ma túy tổng hợp, tiền công giao 1.000.000 đồng, H1 chuyển khoản cho T3 16.800.000 đồng, còn lại 9.200.000 đồng sẽ đưa tiền mặt. Trọng liên lạc với “Alan” mua số ma túy trên với giá 20.000.000 đồng rồi mang ma túy đến khu V, Đ, K, Hải Phòng để túi nilon chứa ma túy Ketamine và ma túy tổng hợp xuống lễ đường rồi hé cửa kính xe ô tô nhận tiền mặt 9.200.000 đồng của H1, còn tiền tài khoản sau đó được H1 chuyển khoản tới tài khoản ngân hàng M2 của T3.

Trong quá trình điều tra, Phạm Đức A khai nhận việc Đức A thuê phòng 302 S V, L, Hải Phòng để bán ma túy giúp L2 thì có được “Béo” (tức Đỗ Minh T3, sinh năm 2000, HKTT Tổ dân phố H7, Hòa Bình, TP Hải Phòng) mang ma túy từ L2 tới giao cho Đức A bán. Tuy nhiên Đỗ Minh T3 khai chưa từng giúp L2 mang ma túy tới

giao cho Đức A, T3 cho biết trước đây có mua ma túy từ L2 để bán lại kiếm lời, sau này thì được L2 giới thiệu cho sang mua ma túy của Đức A. Thời gian sau này T3 có mua ma túy của Đức A một vài lần (chưa xác định được cụ thể là ngày nào) để bán lại kiếm lời. Cơ quan điều tra tiến hành cho Phạm Đức A và Đỗ Minh T3 đối chất, kết quả cả hai đều giữ nguyên lời khai, Phạm Đức A khẳng định không bán ma túy cho T3.

Tại Bản Cáo trạng số 45/CT-VKSKV3 ngày 05/9/2025 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng và Công văn số 111/VKSKV3 ngày 08/9/2025 về việc đính chính do có sai sót trong khâu sắp xếp, in tài liệu đã truy tố: Bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 và bị cáo Trần Văn S phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b, n khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Phạm Đức V phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Phạm Đức A phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Đỗ Minh Trọng phạm T9 Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm n khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn S1 và bị cáo Nguyễn Mạnh P phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Mạnh P và bị cáo Ngô Thị Mỹ L1 phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa các bị cáo Phạm Đức A, Nguyễn Mạnh P, Ngô Thị Mỹ L1, Trần Nguyễn Văn S1 và Đỗ Minh T3 khai nhận toàn bộ hành vi như cáo trạng nêu trên.

Tại phiên tòa Nguyễn Thị Thu H1 khai: Bị cáo cùng bị cáo Trần Văn S đã nhiều lần bán ma túy. Tổng số ma túy bị cáo đã bán là 50 gam Ketamine và 120 viên ma túy tổng hợp (gồm H1 mua của Trần Nguyễn Văn S1 30 viên ma túy tổng hợp và 10 gam Ketamine vào ngày 08/12/2024, lượng ma túy này H1 bán một mình không ai tham gia bán cùng H1. Ngày 16/4/2025 H1 mua của Đỗ Minh T3 50 viên ma túy tổng hợp và 25 gam Ketamine để H1 và S bán kiếm lời. Tính đến ngày 11/4/2025 H1 và S còn lại 40 viên ma túy tổng hợp và 15 gam Ketamine để bán kiếm lời). Đối với số lượng 120 viên ma túy tổng hợp không thu giữ được nên không xác định được khối lượng ma túy cũng như loại ma túy. Số tiền bán ma túy H1 mới nhận được của G 2.400.000 đồng; H2 2.400.000 đồng; V1 3.600.000 đồng; H6 1.500.000 đồng; N4 2.800.000 đồng và T8 2.500.000 đồng. Tổng số tiền H1 nhận được từ việc bán ma túy là 15.200.000 đồng; một số trường hợp H1 cho nợ chưa lấy được. Tổng số ma túy Trần Văn S bán cùng bị cáo H1 là 40 gam Ketamine và 90 viên ma túy tổng hợp (gồm 50 viên ma túy tổng hợp và 25 gam Ketamine mua của Đỗ Minh T3; 40 viên thuốc lắc và 15 gam Ketamine tính đến ngày 11/4/2025 còn lại). Tổng số ma túy Phạm Đức V giúp H1 và S bán cho N4, V1, H6 là 04 gam Ketamine và 09 viên ma túy tổng hợp.

Tại phiên tòa bị cáo Trần Văn S và bị cáo Phạm Đức V khai thông nhất với lời khai của Nguyễn Thị Thu H1.

Đại diện Viện Kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thu H1, Trần Văn S, Phạm Đức A, Phạm Đức V, Đỗ Minh T3, Trần Nguyễn Văn S1, Nguyễn Mạnh P, Ngô Thị Mỹ L1 và đề nghị HĐXX:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thu H1, Trần Văn S, Phạm Đức V, Phạm Đức A, Trần Nguyễn Văn S1, Đỗ Minh T3 và Nguyễn Mạnh P phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Mạnh P và Ngô Thị Mỹ L1 phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Căn cứ điểm b, n khoản 2, khoản 5 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 mức án từ 11 năm đến 12 năm tù; Phạt bổ sung bị cáo 20.000.000 đồng.

Căn cứ điểm b, n khoản 2, khoản 5 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Văn S mức án từ 10 năm đến 11 năm tù; Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 đồng

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Đức V mức án từ 08 năm đến 08 năm 06 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo V.

Căn cứ điểm n khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Minh T3 mức án từ 09 năm 06 tháng đến 10 năm 06 tháng tù; Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 đồng.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Phạm Đức A mức án từ 09 năm 06 tháng đến 10 năm 06 tháng tù; Phạt bổ sung bị cáo 15.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Trần Nguyễn Văn S1 mức án từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù; Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Căn cứ khoản 1 Điều 251; khoản 1 Điều 255; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 55 Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh P mức án từ 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và mức án từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 07 năm 06 tháng đến 09 năm tù; phạt bổ sung bị cáo 10.000.000 đồng về tội Mua bán

trái phép chất ma túy, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Căn cứ khoản 1 Điều 255; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Ngô Thị Mỹ L1 mức án tù 03 năm 06 tháng tù đến 04 năm 06 tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy; Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

Căn cứ Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Trả lại bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 01 điện thoại di động Iphone mặt trước bị nứt vỡ có số Imei 352841112417622, Imei2 352841112345757.

Trả lại Phạm Đức V 01 điện thoại di động Iphone mặt trước bị nứt vỡ có số Imei 352044077649905.

Trả lại Ngô Thị Mỹ L1 01 điện thoại di động Iphone có số Imei 3504725954338166, Imei2 350472595437382.

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone mặt sau bị nứt vỡ có số Imei 356724118748214, Imei2 356724119950033 của Nguyễn Thị Thu H1; 01 điện thoại di động Iphone có số Imei 359646707922073, Imei2 359646707238934 của Trần Văn S; 01 điện thoại di động Iphone có số Imei 357281092208557, Imei2 357281091969704 của Phạm Đức V; 01 điện thoại di động Iphone có số Imei 356771086466709 của Trần Nguyễn Văn S1; 01 điện thoại di động Iphone số Imei 354990075918700 của Nguyễn Mạnh P; 01 điện thoại di động Iphone có số Imei 351016091412131, Imei2 351016091482159 của Phạm Đức A.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 tờ tiền 1.000 đồng; 01 tờ tiền 2.000 đồng; 01 tờ tiền 5.000 đồng; 01 tờ tiền 10.000 đồng được niêm phong trong bì giấy dán kín của mẫu KT07 sau giám định có dấu niêm phong số 1366MT-C/09 của Phòng K Công an thành phố H và chữ ký của giám định viên (Niêm phong dán kín sau giám định).

Tịch thu tiêu hủy: 01 bì giấy dán kín bên trong có 03 vỏ túi mép dán màu xanh của mẫu KT04, 03 đoạn ống của mẫu KT06, 01 đĩa sứ màu trắng của mẫu KT08 có dấu niêm phong số 1366MT-B/PC09 của Phòng K Công an thành phố H và chữ ký của giám định viên (Niêm phong dán kín sau giám định); 01 bì giấy dán kín bên trong có 07 vỏ túi nilon của mẫu KX01, 01 nút nhựa màu xám của mẫu KX02 sau giám định có dấu niêm phong số 1367MT-A/PC09 của Phòng K Công an thành phố H và chữ ký của giám định viên (Niêm phong dán kín sau giám định); 07 vỏ túi nilon mép dán màu xanh kích thước 2,5 x 2,5 cm đều chưa qua sử dụng; 04 vỏ túi nilon mép dán màu xanh kích thước 4 x 4 cm đều chưa qua sử dụng; 01 bì giấy được niêm phong bởi dấu niêm phong số 255MT/PC09 và chữ ký của giám định viên (Niêm phong dán kín sau giám định); 01 bì giấy được niêm phong bởi dấu

niêm phong số 255/MT-A/PC09 và chữ ký của giám định viên (Niêm phong dán kín sau giám định); 01 phong bì dán kín số 1139/KL-KTHS ngày 27/02/2025, tại mép của phong bì có các chữ kí họ tên: Hoàng Thế T10, Trần Văn D2 và các dấu đỏ của V2- Bộ C4 (Niêm phong dán kín sau giám định); 01 túi vải có chữ “LIFE WORD” đã qua sử dụng; 01 bật lửa màu đỏ đã qua sử dụng; 01 cân điện tử màu trắng đã qua sử dụng; 01 hộp giấy màu hồng trắng đã qua sử dụng.

Buộc bị cáo Nguyễn Mạnh P phải nộp lại 700.000 đồng; bị cáo Phạm Đức A phải nộp lại 19.300.000 đồng; bị cáo Đỗ Minh T3 nộp lại 26.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 phải nộp lại 15.200.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố H, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Hải Phòng và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, biên bản phạm tội quả tang, vật chứng thu giữ, kết luận giám định và các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ thể hiện: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 13/12/2024 Nguyễn Mạnh P có hành vi chuẩn bị ma túy là Ketamine, sau đó rủ Ngô Thị Mỹ L1 sử dụng ma túy, L1 đồng ý và sử dụng nhà của L1 tại số L khu đô thị H, phường T, quận H, thành phố Hải Phòng (nay là phường H, thành phố Hải Phòng) để cả hai tổ chức sử dụng ma túy cho nhau nên hành vi của bị cáo Nguyễn Mạnh P và Ngô Thị Mỹ L1 phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 255 Bộ luật Hình sự. Tại thời điểm phát hiện, bắt quả tang về hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy trên, Nguyễn Mạnh P còn có hành vi cất giấu 1,507 gam MDMA, 0,07 gam Methamphetamine, 3,624 gam Ketamine mục đích để bán kiếm lời; trước lúc bị phát hiện bị cáo P đã bán cho đối tượng tên là Hà Giang C2 0,7 gam Ketamine với giá 700.000 đồng. Như vậy L3 ma túy P cất giữ để bán và đã bán kiếm lời là: 1,507 gam MDMA tương đương 30,14%; 0,07 gam Methamphetamine tương đương 1,4% và 4,324 gam Ketamine tương đương 21,62 %. Hành vi trên của Nguyễn Mạnh P đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[3] Bị cáo Phạm Đức A có 02 lần bán trái phép chất ma túy. Cụ thể ngày 08/12/2024 Đức A có hành vi bán trái phép 10 gam Ketamine cho Trần Nguyễn Văn S1 với giá 8.000.000 đồng và 30 viên thuốc lắc (không thu giữ được nên không xác định được khối lượng) với giá 6.000.000 đồng. Tổng số tiền bán cho S1 là với giá 14.000.000 đồng. Ngày 12/12/2024 Đức A bán cho Nguyễn Mạnh P 05 gam Ketamine và 10 viên ma túy tổng hợp (không thu giữ được nên không xác định được khối lượng) với số tiền là 5.300.000 đồng. Khi Cơ quan Cảnh sát điều tra đến nhà Đức A, Đức A đã đồ 03 túi ma túy tổng hợp nhãn hiệu FERARI đang cất giấu xuống bồn rửa bát và xả nước. Như vậy xác định lượng ma túy Đức A bán kiểm lời là 15,221 gam Ketamine; 0,07 gam Methamphetamine và 1,61 gam MDMA. Hành vi của Phạm Đức A đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự.

[4] Bị cáo Trần Nguyễn Văn S1 có hành vi giúp Phạm Đức A bán trái phép 30 viên ma túy tổng hợp (không xác định được khối lượng) và 10 gam Ketamine cho Nguyễn Thị Thu H1 vào ngày 08/12/2024 nên hành vi của Trần Nguyễn Văn S1 đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy theo khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự.

[5] Từ khoảng cuối năm 2024 đến ngày 18/4/2025 bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 và bị cáo Trần Văn S có hành vi bán trái phép 40 gam Ketamine và 90 viên ma túy tổng hợp (không xác định được khối lượng) nhiều lần; ngoài ra ngày 08/12/2024 H1 mua của Trần Nguyễn Văn S1 30 viên thuốc lắc (không xác định được khối lượng) và 10 gam Ketamine lần này H1 tự bán một mình. Như vậy tổng lượng ma túy bị cáo S bán là 40 gam Ketamine và 90 viên ma túy tổng hợp; bị cáo H1 bán 50 gam Ketamine và 120 viên ma túy tổng hợp. Bị cáo Phạm Đức V có hành vi giúp Nguyễn Thị Thu H1 và Trần Văn S bán trái phép 04 gam Ketamine và 09 viên ma túy tổng hợp cho đối tượng tên N4, V1 và H6. Do vậy đủ căn cứ xác định bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 và bị cáo Trần Văn S phạm tội mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b, n khoản 2 Điều 251 Bộ luật hình sự. Bị cáo Phạm Đức V phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm b khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[6] Ngày 16/4/2025 bị cáo Đỗ Minh T3 có hành vi bán trái phép 25 gam ma túy loại Ketamine và 50 viên ma túy tổng hợp (không xác định được khối lượng) cho Nguyễn Thị Thu H1 nên hành vi của Đỗ Minh T3 đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy theo điểm n khoản 2 Điều 251 Bộ luật Hình sự.

[7] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, gây mất trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Do vậy cần xử lý bắt các bị cáo cách ly khỏi xã hội một thời gian đủ để giáo dục, cải tạo đối với các bị cáo và phòng ngừa chung.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

[8] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[9] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai báo thành khẩn nên xem xét cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đỗ Minh T3 và bị cáo Phạm Đức V từng tham gia quân đội nên HĐXX xem xét cho bị cáo T3, bị cáo V được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về hình phạt bổ sung:

[10] Cần áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thu H1, Trần Văn S, Nguyễn Mạnh P, Phạm Đức A, Đỗ Minh T3 một khoản tiền để nộp Ngân sách Nhà nước. Đối với hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo Nguyễn Mạnh P, HĐXX xét thấy bị cáo và bị cáo L1 tổ chức sử dụng ma túy cho nhau để phục vụ nhu cầu của bản thân nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với hành vi này.

[11] Đối với Trần Nguyễn Văn S1 bán giúp Đức A bán ma túy cho H1 không hưởng lợi gì và bị cáo Phạm Đức V bán ma túy cho bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 và Trần Văn S, tuy nhiên H1, S cũng chưa trả tiền công cho V. Bản thân hai bị cáo không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với S1 và V.

[12] Đối với bị cáo Ngô Thị Mỹ L1 không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền.

[13] Về vai trò của các bị cáo: Bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 là người mua ma túy và cùng với Trần Văn S và Phạm Đức V bán ma túy nhiều lần. Trong nhóm này thì bị cáo H1 bán lượng ma túy nhiều nhất, tiếp theo là bị cáo S và cuối cùng là bị cáo V. Do vậy cần xem xét mức hình phạt của bị cáo H1, S, V tương ứng với hành vi của các bị cáo. Bị cáo Trần Nguyễn Văn S1 có hành vi giúp bị cáo Đức A bán ma túy cho H1, ngoài ra bị cáo Đức A còn bán ma túy cho P do vậy mức hình phạt của bị cáo Đức A cao hơn bị cáo bị cáo S1. Đối với hành vi Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của bị cáo P và bị cáo L1, HĐXX thấy bị cáo P là người có ma túy, bị cáo L1 là người sử dụng nơi ở của mình để cùng P sử dụng ma túy, do vậy mức hình phạt của bị cáo P và bị cáo L1 là ngang nhau. Đối với hành vi bán ma túy của bị cáo T3 và bị cáo P, HĐXX thấy cần căn cứ vào hành vi cũng như nhân thân của bị cáo để quyết định hình phạt tương ứng.

- Về xử lý vật chứng:

[14] Đối với 01 điện thoại di động Iphone mặt trước bị nứt vỡ có số Imei 352841112417622, Imei2 352841112345757 thu giữ của bị cáo Nguyễn Thị Thu

H1; 01 điện thoại di động Iphone mặt trước bị nứt vỡ có số Imei 352044077649905 thu giữ của Phạm Đức V và Ngô Thị Mỹ L1 01 điện thoại di động Iphone có số Imei 3504725954338166, Imei2 350472595437382 thu giữ của Ngô Thị Mỹ L1 không liên quan đến việc phạm tội nên căn cứ vào khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị Thu H1, Phạm Đức V và Ngô Thị Mỹ L1

[15] Đối với 01 điện thoại di động Iphone mặt sau bị nứt vỡ có số Imei 356724118748214, Imei2 356724119950033 của Nguyễn Thị Thu H1; 01 điện thoại di động Iphone có số Imei 359646707922073, Imei2 359646707238934 của Trần Văn S; 01 điện thoại di động Iphone có số Imei 357281092208557, Imei2 357281091969704 của Phạm Đức V; 01 điện thoại di động Iphone có số Imei 356771086466709 của Trần Nguyễn Văn S1; 01 điện thoại di động Iphone số Imei 354990075918700 của Nguyễn Mạnh P; 01 điện thoại di động Iphone có số Imei 351016091412131, Imei2 351016091482159 của Phạm Đức A đều liên quan đến việc phạm tội nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu nộp vào Ngân sách Nhà nước.

[16] Đối với 01 tờ tiền 1.000 đồng; 01 tờ tiền 2.000 đồng; 01 tờ tiền 5.000 đồng; 01 tờ tiền 10.000 đồng được niêm phong trong bì giấy dán kín của mẫu KT07 sau giám định có dấu niêm phong số 1366MT-C/09 của Phòng K Công an thành phố H và chữ ký của giám định viên (Niêm phong dán kín sau giám định) cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước theo Điều 47 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[17] Đối với 01 bì giấy dán kín bên trong có 03 vỏ túi mép dán màu xanh của mẫu KT04, 03 đoạn ống của mẫu KT06, 01 đĩa sứ màu trắng của mẫu KT08 có dấu niêm phong số 1366MT-B/PC09 của Phòng K Công an thành phố H và chữ ký của giám định viên (Niêm phong dán kín sau giám định); 01 bì giấy dán kín bên trong có 07 vỏ túi nilon của mẫu KX01, 01 nút nhựa màu xám của mẫu KX02 sau giám định có dấu niêm phong số 1367MT-A/PC09 của Phòng K Công an thành phố H và chữ ký của giám định viên (Niêm phong dán kín sau giám định); 07 vỏ túi nilon mép dán màu xanh kích thước 2,5 x 2,5 cm đều chưa qua sử dụng; 04 vỏ túi nilon mép dán màu xanh kích thước 4 x 4 cm đều chưa qua sử dụng; 01 bì giấy được niêm phong bởi dấu niêm phong số 255MT/PC09 và chữ ký của giám định viên (Niêm phong dán kín sau giám định); 01 bì giấy được niêm phong bởi dấu niêm phong số 255/MT-A/PC09 và chữ ký của giám định viên (Niêm phong dán kín sau giám định); 01 phong bì dán kín số 1139/KL-KTHS ngày 27/02/2025, tại mép của phong bì có các chữ kí họ tên: Hoàng Thế T10, Trần Văn D2 và các dấu đỏ của V2-Bộ C4 (Niêm phong dán kín sau giám định); 01 túi vải có chữ “LIFE WORD” đã qua sử dụng; 01 bật lửa màu đỏ đã qua sử dụng; 01 cân điện tử màu trắng đã qua sử dụng; 01 hộp giấy màu hồng trắng đã qua sử dụng HĐXX xét đây là vật cấm tàng trữ lưu hành và không có giá trị sử dụng nên căn cứ điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự cần tịch thu tiêu hủy.

[18] Đối với số tiền 19.300.000 đồng Phạm Đức Anh bán ma túy (gồm 14.000.000 đồng tiền bán ma túy cho Trần Nguyễn Văn S1 và 5.300.000 đồng bán ma túy cho Nguyễn Mạnh P), xét đây là tiền do phạm tội mà có nên cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự buộc bị cáo Phạm Đức A phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

[19] Đối với số tiền 26.000.000 đồng Đỗ Minh T3 bán ma túy cho Nguyễn Thị Thu H1 (gồm 16.000.000 đồng tiền Ketamine; 9.000.000 đồng tiền 50 viên ma túy tổng hợp và 1.000.000 đồng tiền công), xét đây là tiền do phạm tội mà có nên cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự buộc bị cáo Đỗ Minh T3 phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

[20] Đối với số tiền 700.000 đồng Nguyễn Mạnh P bán ma túy cho Hà Giang C2, xét đây là tiền do phạm tội mà có nên cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự buộc bị cáo Nguyễn Mạnh P phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

[21] Đối với số tiền 15.200.000 đồng Nguyễn Thị Thu H1 bán ma túy, xét đây là tiền do phạm tội mà có nên cần áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự buộc bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 phải nộp lại để sung quỹ Nhà nước.

- Về những vấn đề khác:

[22] Đối với Lê Đình L2, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn F, P, T, Thanh Hóa, tài liệu điều tra xác định L2 có dấu hiệu phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Qua xác minh xác định hiện nay Lê Đình L2 vắng mặt tại địa phương, đã xuất cảnh khỏi Việt Nam ngày 01/9/2024, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại. Hiện nay L2 bị truy nã theo Quyết định truy nã số 7238/QĐTN-CSĐT ngày 22/05/2025 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H tách hành vi và tài liệu có liên quan của Lê Đình L2 để tiếp tục điều tra, xác minh, làm rõ nên HĐXX không xét.

[23] Đối với các đối tượng Phạm Mạnh H6, Bàn Thị N4 và Vũ Hoàng Phương T8 có hành vi mua ma túy của Nguyễn Thị Thu H1 và Trần Văn S mục đích để sử dụng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H đã ra Quyết định xử phạt hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định 144/2021/NĐ-CP ngày 31/12/2021 của Chính Phủ.

[24] Đối với Hà Giang C2 có hành vi mua ma túy Ketamine của Nguyễn Mạnh P ngày 13/12/2024. Tuy nhiên hiện nay Hà Giang C vắng mặt tại địa phương nên cơ quan điều tra chưa thể triệu tập, lấy lời khai. Cơ quan điều tra tiếp tục cùng cố tài liệu chứng cứ để xử lý H theo quy định.

[25] Đối với những người mua ma túy có tên T5, G, H2, V1, C3, H5, hiện không xác minh được nhân thân lai lịch, số điện thoại, tài khoản ngân hàng nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

[26] Đối với Trần Thị D1 là mẹ đẻ của Trần Văn S tại cơ quan điều tra khai về việc không biết việc S và H1 bán ma túy, D1 cũng không tham gia vào việc mua bán trái phép chất ma túy nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H không xử lý đối với Trần Thị D1 về tội Mua bán trái phép chất ma túy.

[27] Đối với chủ căn hộ phòng 301 nhà số L, khu đô thị H, Thượng Lý, Hồ N, Hải Phòng là chị Nguyễn Thị Kiều T11, sinh năm 1990, nơi ở: số E khu P KĐT V, Hồ N, Hải Phòng đã cho Ngô Thị Mỹ L1 thuê phòng và chủ căn hộ phòng số 302 S V, V, L, TP Hải Phòng là anh Trần Văn P2, sinh năm 1991, nơi ở: số A N, H, Hải Phòng đã cho Phạm Đức A thuê phòng. Việc L1 và Đức A có hành vi sử dụng trái phép ma túy và Mua bán trái phép chất ma túy chị T11 và anh P2 không biết, do vậy Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố H không có căn cứ xử lý.

[28] Đối với người bán ma túy cho T3 có tài khoản T6 là “Alan” hiện chưa rõ thông tin lai lịch cụ thể, không xác định được số điện thoại nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ.

[29] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, khoản 5 Điều 251; khoản 1 Điều 255; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 55 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Mạnh P.

Áp dụng khoản 1 Điều 255; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Ngô Thị Mỹ L1.

Áp dụng điểm b, n khoản 2, khoản 5 Điều 251; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 và bị cáo Trần Văn S.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 5 Điều 251; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Đức A.

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 251; Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Phạm Đức V.

Áp dụng khoản 1 Điều 251; Điều 38, điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58 Bộ luật Hình sự Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Nguyễn Văn S1.

Áp dụng điểm n khoản 2, khoản 5 Điều 251; Điều 38, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Minh T3.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Mạnh P và Ngô Thị Mỹ L1 phạm tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy.

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Thị Thu H1, Trần Văn S, Phạm Đức V, Đỗ Minh T3, Trần Nguyễn Văn S1, Phạm Đức A, Nguyễn Mạnh P phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy.

Xử phạt:

1. Bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 11 (mười một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 19 tháng 04 năm 2025.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 20.000.000 đồng (hai mươi triệu đồng).

2. Bị cáo Trần Văn S 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 19 tháng 04 năm 2025.

Phạt bổ sung bị cáo Trần Văn S 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

3. Bị cáo Phạm Đức V 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 19 tháng 04 năm 2025.

4. Bị cáo Phạm Đức A 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 13 tháng 12 năm 2024.

Phạt bổ sung bị cáo Phạm Đức A 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

5. Bị cáo Đỗ Minh T3 09 (chín) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Phạt bổ sung bị cáo Đỗ Minh T3 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng)

6. Bị cáo Nguyễn Mạnh P 04 (bốn) năm tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy và 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy. Tổng hợp hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo Nguyễn Mạnh P phải chấp hành hình phạt chung là 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 13 tháng 12 năm 2024.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Mạnh P 10.000.000 đồng (mười triệu đồng).

7. Bị cáo Trần Nguyễn Văn S1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 18 tháng 12 năm 2024.

8. Bị cáo Ngô Thị Mỹ L1 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 13 tháng 12 năm 2024.

Căn cứ điểm a, b, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b, c khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại bị cáo Nguyễn Thị Thu H1 01 điện thoại di động Iphone mặt trước bị nứt vỡ có số Imei 352841112417622, Imei2 352841112345757.

Trả lại Phạm Đức V 01 điện thoại di động Iphone mặt trước bị nứt vỡ có số Imei 352044077649905.

Trả lại Ngô Thị Mỹ L1 01 điện thoại di động Iphone có số Imei 3504725954338166, Imei2 350472595437382.

Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động Iphone mất sau bị nứt vỡ có số Imei 356724118748214, Imei2 356724119950033 của Nguyễn Thị Thu H1; 01 điện thoại di động Iphone có số Imei 359646707922073, Imei2 359646707238934 của Trần Văn S; 01 điện thoại di động Iphone có số Imei 357281092208557, Imei2 357281091969704 của Phạm Đức V; 01 điện thoại di động Iphone có số Imei 356771086466709 của Trần Nguyễn Văn S1; 01 điện thoại di động Iphone số Imei 354990075918700 của Nguyễn Mạnh P; 01 điện thoại di động Iphone có số Imei 351016091412131, Imei2 351016091482159 của Phạm Đức A.

Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước: 01 tờ tiền 1.000 đồng; 01 tờ tiền 2.000 đồng; 01 tờ tiền 5.000 đồng; 01 tờ tiền 10.000 đồng được niêm phong trong bì giấy dán kín của mẫu KT07 sau giám định có dấu niêm phong số 1366MT-C/PC09 của Phòng K Công an thành phố H và chữ ký của giám định viên (Niêm phong dán kín sau giám định).

Tịch thu tiêu hủy: 01 bì giấy dán kín bên trong có 03 vỏ túi mốp dán màu xanh của mẫu KT04, 03 đoạn ống của mẫu KT06, 01 đĩa sứ màu trắng của mẫu KT08 có dấu niêm phong số 1366MT-B/PC09 của Phòng K Công an thành phố H và chữ ký của giám định viên (Niêm phong dán kín sau giám định); 01 bì giấy dán kín bên trong có 07 vỏ túi nilon của mẫu KX01, 01 nút nhựa màu xám của mẫu KX02 sau giám định có dấu niêm phong số 1367MT-A/PC09 của Phòng K Công an thành phố H và chữ ký của giám định viên (Niêm phong dán kín sau giám định); 07 vỏ túi nilon mốp dán màu xanh kích thước 2,5 x 2,5 cm đều chưa qua sử dụng; 04 vỏ túi nilon mốp dán màu xanh kích thước 4 x 4 cm đều chưa qua sử dụng; 01 bì giấy được niêm phong bởi dấu niêm phong số 255MT/PC09 và chữ ký của giám định viên (Niêm phong dán kín sau giám định); 01 bì giấy được niêm phong bởi dấu niêm phong số 255/MT-A/PC09 và chữ ký của giám định viên (Niêm phong dán kín sau giám định); 01 phong bì dán kín số 1139/KL-KTHS ngày 27/02/2025, tại mép của phong bì có các chữ kí họ tên: Hoàng Thế T10, Trần Văn D2 và các dấu đỏ của V2- Bộ C4 (Niêm phong dán kín sau giám định); 01 túi vải có chữ “LIFE WORD” đã qua sử dụng; 01 bật lửa màu đỏ đã qua sử dụng; 01 cân điện tử màu trắng đã qua sử dụng; 01 hộp giấy màu hồng trắng đã qua sử dụng.

(Theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 11 tháng 09 năm 2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra -Công an thành phố H và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Hải Phòng).

Buộc Phạm Đức A nộp lại số tiền 19.300.000 đồng (mười chín triệu ba trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Buộc Đỗ Minh T3 nộp lại số tiền 26.000.000 đồng (hai mươi sáu triệu đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Buộc Nguyễn Mạnh P nộp lại số tiền 700.000 đồng (bảy trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Buộc Nguyễn Thị Thu H1 nộp lại số tiền 15.200.000 đồng (mười lăm triệu hai trăm nghìn đồng) để sung quỹ Nhà nước.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Nguyễn Thị Thu H1, Trần Văn S, Phạm Đức V, Đỗ Minh T3, Trần Nguyễn Văn S1, Phạm Đức A, Nguyễn Mạnh P, Ngô Thị Mỹ L1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- VKSND Khu vực 3-Hải Phòng;
- VKSND TP Hải Phòng;
- Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an Tp Hải Phòng;
- Cơ quan THAHS Công an Tp Hải Phòng;
- Trại tạm giam số 1 Công an Tp Hải Phòng;
- UBND phường Nam Đồ Sơn, Hải Phòng;
- UBND xã Kiến Hải, Hải Phòng;
- UBND phường Hòa Bình, Hải Phòng;
- UBND Hồng Bàng, Hải Phòng;
- UBND xã Ngọc Bay, tỉnh Quảng Ngãi;
- UBND phường Lê Chân, Hải Phòng;
- Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng;
- PV06 Công an TP Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Tuyết Hồng

